TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 232/2023/DS-ST
Ngày: 26-7-2023.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Đức Quang;

2. Bà Trần Thị Thanh Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Phương- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, địa chỉ 27 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", thụ lý số 246/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 65/2023/HPT- DS ngày 28 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng A.

Trụ sở: Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông M - Giấy ủy quyền số: 1966/2022/UQ-QLN.22 ngày 14/9/2022 (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà N, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Lê Hồng Phong, Phường 01, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của Ngân hàng A (gọi tắt là ACB), các bản khai và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Bà N có yêu cầu và được Ngân hàng A chấp nhận mở thẻ tín dụng như sau:

- Số thẻ tín dụng	: **5593 12** **** 3620**
- Ngày cấp	: 25/7/2018
- Loại thẻ	: World Master Card (Thẻ tín dụng quốc tế)
- Hạn mức thẻ	: 50.000.000 đồng
- Hiệu lực thẻ	: Tháng 7/2021
- Lãi suất, phí:	: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A

Ngày 23/9/2019, bà N có thư yêu cầu về việc thay thẻ đổi số, A đã thực hiện thay đổi số thẻ. Số thẻ mới của bà N là 5593 12** **** 9973.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà N đã không thanh toán đầy đủ cho A theo thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 20/8/2020, A đã chuyển khoản thẻ sang nợ quá hạn. Ngày 03/8/2022, A ra Thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với thẻ tín dụng nêu trên.

Tính đến ngày 26/7/2023, bà N còn nợ A các khoản sau:

- Nợ vốn gốc là: 53.351.663 đồng.

- Nợ lãi quá hạn là: 34.490.665 đồng.

Tổng cộng: 87.842.328 đồng.

Ngân hàng A đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc bà N trả ngay cho A tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 26/7/2023 là: 87.842.328 đồng, trong đó: vốn gốc là: 53.351.663 đồng, lãi quá hạn là: 34.490.665 đồng. Bà N còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A tính kể từ ngày 27/7/2023 đến ngày trả hết nợ;

Bị đơn bà N đã được tòa triệu tập hợp lệ nhưng không tới Tòa hòa giải, vì vậy Tòa đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp trong vụ án theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là việc Ngân hàng A cho bà N mở thẻ tín dụng để tiêu dùng, là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Quận 10, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10.

Xét thấy nguyên đơn Ngân hàng A có giấy ủy quyền cho ông M đại diện

tham gia tố tụng, giấy ủy quyền phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận tư cách tham gia tố tụng của ông M.

Bị đơn - bà N, sinh năm 1986 có địa chỉ nơi cư trú cuối cùng tại: Lê Hồng Phong, Phường 01, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án nhân dân Quận 10 đã tiến hành tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng tại địa chỉ trên nhưng bị đơn không đến tòa. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Bà N có yêu cầu và được Ngân hàng A chấp nhận mở thẻ tín dụng như sau:

- Số thẻ tín dụng	: **5593 12** **** 3620**
- Ngày cấp	: 25/7/2018
- Loại thẻ	: World Master Card (Thẻ tín dụng quốc tế)
- Hạn mức thẻ	: 50.000.000 đồng
- Hiệu lực thẻ	: Tháng 7/2021
- Lãi suất, phí:	: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A

Ngày 23/9/2019, bà N có thư yêu cầu về việc thay thẻ đổi số, A đã thực hiện thay đổi số thẻ. Số thẻ mới của bà N là 5593 12** **** 9973.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà N đã không thanh toán đầy đủ cho A theo thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 20/8/2020, A đã chuyển khoản thẻ sang nợ quá hạn. Ngày 03/8/2022, A ra Thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với thẻ tín dụng nêu trên.

Tính đến ngày 26/7/2023, bà N còn nợ A các khoản sau:

- Nợ vốn gốc là: 53.351.663 đồng.

- Nợ lãi quá hạn là: 34.490.665 đồng.

Tổng cộng: 87.842.328 đồng.

Ngân hàng A đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc bà N trả ngay cho A tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 26/7/2023 là: 87.842.328 đồng, trong đó: vốn gốc là: 53.351.663 đồng, lãi quá hạn là: 34.490.665 đồng. Bà N còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A tính kể từ ngày 27/7/2023 đến ngày trả hết nợ;

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất; còn theo quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 thì: Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận, nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc. Vì vậy Ngân hàng A yêu cầu tòa án xét xử, buộc bà N trả ngay cho A tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 26/7/2023 là: 87.842.328 đồng, trong đó: vốn gốc là: 53.351.663 đồng, lãi quá

hạn là: 34.490.665 đồng. Bà N còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A tính kể từ ngày 27/7/2023 đến ngày trả hết nợ. Là phù hợp các quy định pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, vì vậy Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn bà N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 280, khoản 1 Điều 357, Điều 463, khoản 1, 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục mức án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Bà N phải trả ngay cho Ngân hàng A tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 26/7/2023 là: 87.842.328 (Tám mươi bảy triệu, tám trăm bốn mươi hai ngàn, ba trăm hai mươi tám) đồng. Trong đó: Nợ vốn gốc là: 53.351.663 (Năm mươi ba triệu ba trăm năm mươi mốt nghìn sáu trăm sáu mươi ba) đồng, lãi quá hạn là: 34.490.665 (Ba mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi nghìn sáu trăm sáu mươi năm) đồng. Bà N còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A tính kể từ ngày 27/7/2023 đến ngày trả hết nợ.

Án phí dân sự sơ thẩm: 4.392.116 (Bốn triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn, một trăm mười sáu) đồng, bà N phải chịu.

Ngân hàng A không phải chịu án phí. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí là: 1.928.551 (Một triệu chín trăm hai mươi tám nghìn năm trăm năm mươi mốt) đồng cho Ngân hàng A, theo biên lai thu số AA/2021/0019041 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với đương sự có mặt tại tòa. Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày kể từ ngày các đương sự vắng mặt tại tòa nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Anh Tuấn